

GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN HIỆN NAY

TS. Nguyễn Quang Hồng

Đại học Kinh tế Quốc dân

Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam có vai trò đặc biệt trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Đảng ta luôn luôn chủ trương và nhất quán quan điểm đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Chính sách tín dụng với nông nghiệp, nông thôn đã có những ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển kinh tế nông thôn, diện mạo nông thôn và đời sống nông dân. Tuy nhiên, để phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò và tác dụng của tín dụng đối với sự phát triển kinh tế nông nghiệp, xã hội nông thôn và đời sống nông dân cần có các giải pháp đồng bộ cả của Nhà nước và tổ chức tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

1. Thực trạng tín dụng nông nghiệp- nông thôn ở Việt Nam hiện nay

Xác định nông nghiệp, nông thôn là mặt trận hàng đầu, Nghị Quyết Đại hội Đảng lần thứ X chỉ rõ: “Tạo chuyên biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nâng cao đời sống nhân dân. Hiện nay và trong nhiều năm tới, vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng. Phải luôn luôn coi trọng đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp hàng hoá lớn, đa dạng, phát triển nhanh và bền vững, có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao...” Xuất phát từ chủ trương, trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội, Đảng ta chủ trương đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn và những năm gần đây, chương trình phát triển nông thôn mới là một bước tiếp tục cụ thể hóa hơn đường lối phát triển toàn diện nông thôn. Để thực hiện mục tiêu đó, trong những năm qua, cơ chế chính sách, trong đó có chính sách tín dụng với nông nghiệp, nông thôn (TDNNNT) đã có những ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển kinh tế - XH nông thôn và làm thay đổi diện mạo nông thôn ở nhiều địa phương. Tuy nhiên, để phát huy vai trò của nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn mới cần có những giải pháp cụ thể khơi nguồn tín dụng cho khu vực này phát triển bền vững nhằm cải thiện đời sống xã hội nông thôn, nơi có tới 70% dân số cả nước sinh sống và sản xuất.

1.1. Đóng góp của TDNNNT cho phát triển

kinh tế nông nghiệp, nông thôn:

Thực tế cho thấy, nếu không có đóng góp của ngành nông nghiệp, thì tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam sẽ khó khăn hơn rất nhiều, nhất là ở những thời điểm tình hình đất nước có nhiều khó khăn. Trong thời kỳ thập kỷ 1980, Chỉ thị 100 của BBT về khoán sản phẩm trong nông nghiệp và Nghị quyết 10 của BCT (1987) xác định hộ nông dân trở thành đơn vị kinh tế tự chủ đã tạo động lực lợi ích và giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn. Do vậy đã tạo cho đất nước vượt qua khó khăn của khủng hoảng kinh tế - xã hội. Trong và sau thời kỳ khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1998, chúng ta đã tăng cường đầu tư cho nông nghiệp, coi trọng phát triển kinh tế trang trại và đã mở ra hướng phát triển mới của nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa góp phần đảm bảo sản xuất và đời sống nhân dân. Trong những năm gần đây và cả hiện nay, khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã và đang tác động rất xấu tới kinh tế xã hội, nhưng nhờ có chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn đúng đắn mà nước ta đã đảm bảo được an ninh lương thực làm cơ sở cho giữ vững sản xuất cho cả lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Trong những thời kỳ khó khăn, nông nghiệp nông thôn đã đảm bảo việc làm, kiềm chế lạm phát và giảm nhập siêu để ổn định kinh tế vĩ mô.

Từ khi đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã xác định nông nghiệp, nông thôn (NNNT) là mặt trận hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Để thực hiện được mục tiêu này, cần có sự phối hợp

đồng bộ các chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn. Trong các chính sách đó, chính sách tín dụng nông nghiệp nông thôn (TDNNNT) đóng vai trò hết sức quan trọng đối với hoạt động đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế nông thôn gồm các hộ, các doanh nghiệp nông nghiệp và phi nông nghiệp. Trong những năm qua, hoạt động TDNNNT đã có nhiều tiến bộ: mạng lưới cho vay nông nghiệp, nông thôn ngày càng gia tăng, doanh số cho vay và dư nợ tín dụng ngày càng tăng và đối tượng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngày càng mở rộng. TDNNNT đã phát huy hiệu quả, góp phần quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội nông thôn nước ta.

1.2. Sự phát triển tín dụng nông nghiệp- nông thôn thời gian qua

Thời gian qua, tham gia thực hiện chính sách TDNNNT, trong đó có nhiều tổ chức tín dụng mà chủ lực là Ngân hàng NN&PTNT, Ngân hàng chính sách XH, các quỹ tín dụng nhân dân... đã tạo thành kênh huy động vốn của toàn xã hội để chuyên tải đến tận hộ và doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn. Một số ngân hàng đã chủ động tìm kiếm các dự án hiệu quả, giúp các hộ, các doanh nghiệp nông thôn hoàn thành những thủ tục cần thiết sớm đưa dự án vào thực hiện. Xét riêng việc thực hiện chính sách NNNT, nguồn tín dụng đã không ngừng tăng và còn mở ra cơ hội tiếp cận vốn tín dụng đối với nông dân và DNVVN ở nông thôn.

Theo Ngân hàng Nhà nước, nếu như dư nợ tín

dụng cho vay khu vực này năm 1998 chỉ có 34 ngàn tỷ đồng (chiếm 27,65% tổng dư nợ cho vay của nền kinh tế) thì đến 10/2008, con số này đạt 294.853 tỷ đồng (chiếm 23%). Trong năm 2009, Ngân hàng NN&PTNT đã dành khoảng 200 ngàn tỷ đồng tín dụng ưu đãi cho khu vực nông nghiệp, nông thôn để phát triển sản xuất và xuất khẩu nông, lâm, thủy sản. Đến giữa năm 2010, nguồn cho vay TDNNNT đã đạt 315 ngàn tỷ đồng, có hơn 9 triệu hộ nông dân và doanh nghiệp ở nông thôn đã tiếp cận nguồn vốn ngân hàng thường xuyên. Dư nợ cho vay tập trung chủ yếu tại khu vực Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, chiếm khoảng 49% tổng dư nợ cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Phần còn lại gồm: đồng bằng sông Hồng chiếm hơn 17%, Duyên hải Miền Trung chiếm hơn 14,4%, miền núi phía Bắc gần 10% và Tây Nguyên khoảng 9,4%.

Việc mở rộng TDNNNT đã khuyến khích sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp, tạo thêm việc làm và nâng cấp kết cấu hạ tầng nông thôn, góp phần tích cực trong thực hiện xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Đảng và Nhà nước ta. Đặc biệt nhờ có vốn vay tín dụng mà sản xuất tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề dịch vụ nông thôn phát triển mạnh, tăng trưởng bình quân gần 15%/năm trong thời gian qua. Với số vốn đầu tư cho vay hàng trăm ngàn tỉ đồng đã giúp hàng triệu hộ nông dân, doanh nghiệp nông thôn đẩy mạnh sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi và mở rộng ngành nghề góp phần làm tăng thu nhập và cải thiện đời sống nhân

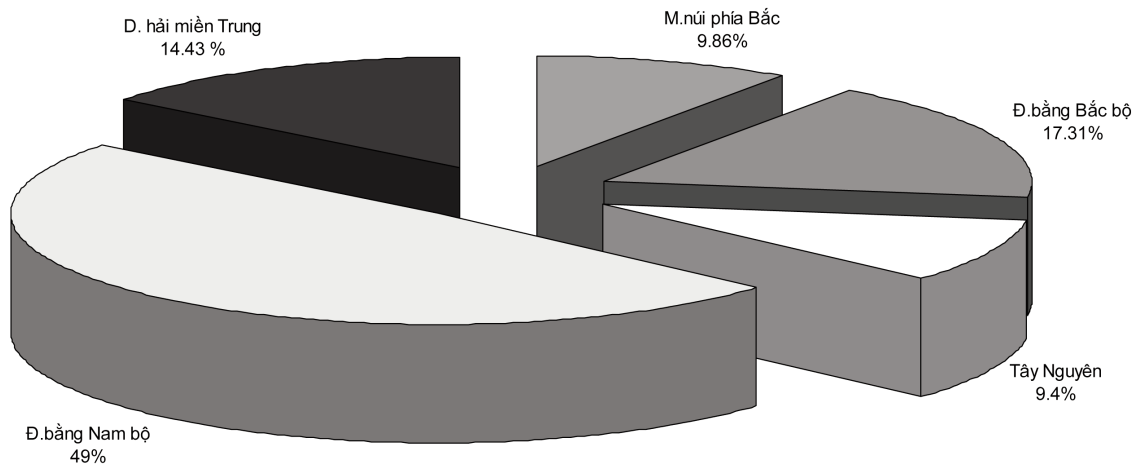
Bảng 1: Hỗ trợ vốn tín dụng ưu đãi cho nông nghiệp, nông thôn

Khu vực	Giai đoạn 2001-2005		Năm 2010	
	Số vốn được vay (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số vốn các hộ được vay (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
Đông Bắc	2.965.627	14,54		
Tây Bắc	1.569.642	7,70	31.059.000	9,86
Đồng bằng sông Hồng	3.492.669	17,13	54.526.500	17,21
Bắc Trung Bộ	1.970.469	9,66		
Duyên hải miền Trung	1.353.232	6,64	45.454.500	14,43
Tây Nguyên	1.186.426	5,82	29.610.000	9,40
Đông Nam Bộ	2.890.209	14,17		
Đ. bằng sông Cửu Long	4.963.889	24,34	154.350.000	49,00
Tổng cả nước	20.392.163	100,00	315.000.000	100,00

Nguồn: Báo cáo chương trình MT quốc gia xóa đói giảm nghèo 2001-2005 – Bộ LĐ TB &XH.

Số liệu 2010 của Ngân hàng Nhà nước, 2011.

Biểu 1: Tỷ lệ dư nợ tín dụng NNNT đến năm 2010



Nguồn: Tính toán từ số liệu Ngân hàng Nhà nước.

dân cũng như thay đổi bộ mặt nông thôn nước ta.

Nguồn vốn vay trong khuôn khổ TDNNNT đã góp phần tạo thêm nghề mới, phục hồi và phát triển các làng nghề truyền thống góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu, đặc biệt từ khi ban hành Nghị định số 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển NNNT, Quyết định 497/2009/QĐ-TTg về hỗ trợ TDNNNT, Nghị định 56/2009 của Chính phủ về phát triển mô hình Quỹ Bảo lãnh tín dụng DNNVV ở nông thôn, số hộ gia đình và doanh nghiệp ở nông thôn đã tiếp cận và vay được tiền của các định chế tài chính đã tăng nhanh, đạt hơn 70% (năm 2010).

Nhờ đóng góp quan trọng của nguồn TDNNNT cùng với vốn tự tiết kiệm và sức lao động, các hộ nông dân đã có điều kiện hình thành các vùng chuyên canh lúa, hoa màu và cây công nghiệp có tỷ suất hàng hóa cao như vùng lúa đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long, vùng chè, cà phê, hồ tiêu ở Tây Nguyên, vùng cây ăn quả ở Trung du và miền núi phía Bắc... Đối tượng cho vay TDNNNT đã được mở rộng cho xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn, phát triển sản xuất kinh doanh của các DNVVN ở nông thôn. Một mục tiêu rất quan trọng của TDNNNT là phát triển các làng nghề theo hướng sản xuất hàng hóa như chế biến nông lâm sản, chăn nuôi đại gia súc gia cầm, các nghề thủ công truyền thống (mộc, rèn, thêu ren, mỹ nghệ, vàng bạc, gốm sứ...). Cũng một phần nhờ đó mà khoảng trên 10 triệu lao động (1,5 triệu hộ) ở hơn 2.000 làng nghề có việc làm thường xuyên và thu

nhập ổn định. Hàng hóa từ sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp ở nông thôn Việt Nam đã có thị trường xuất khẩu ở 133 nước và vùng lãnh thổ như: Mỹ, Nhật Bản, Tây Âu, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc... Kim ngạch xuất khẩu toàn ngành nông nghiệp tăng trưởng bình quân 17%/năm trong giai đoạn 2006-2010, giá trị xuất khẩu năm 2010 đạt 19,15 tỷ USD. Nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn giảm nhanh: từ 66,4% (1993), 45,5% (1998), 27,5% (2004), 18% (2006), 16,1% (2008) và 13,2% (2010) mặc dù chuẩn nghèo đã điều chỉnh tăng lên. Do sản xuất phát triển, thu nhập tăng, đời sống nông dân ở đa số các vùng được cải thiện rõ rệt. Từ năm 1996 đến 2010, thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn tăng lên hơn 5,7 lần (năm 1996 là 188.000đ/người, năm 2000 là 225.000đ, năm 2006 là 505.000đ và đạt 1.070.500đ/người năm 2010).

1.3. Những hạn chế chủ yếu:

Hoạt động TDNNNT đã đạt được những kết quả nhất định và đóng vai trò quan trọng trong phát triển nông thôn, song nhìn lại có thể thấy còn những hạn chế như: TDNNNT chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu và mục tiêu phát triển NNNT; Hiệu quả của tín dụng ngân hàng đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế NNNT còn chưa cao; Gắn kết được giữa nông nghiệp với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ ở nhiều vùng nông thôn chưa được khai thác tốt. Cụ thể:

- Một là, khả năng tiếp cận của các hộ nông dân thiếu vốn với các nguồn tín dụng chính thức chưa cao: Tăng trưởng tín dụng trong nông, lâm, ngư thời

gian qua tuy tăng nhanh nhưng cũng chỉ mới đáp ứng được 40% nhu cầu vay. Nhiều hộ nông dân còn gặp vướng mắc trong quy định về thế chấp khi vay vốn và thu hồi nợ. Những vướng mắc bắt nguồn từ thủ tục vay, trả nợ đang là cản trở lớn của dòng chảy vốn về tay bà con nông dân. Do đó, ở nông thôn đang phổ biến tình trạng nông dân mua nợ vật tư nông nghiệp của các đại lý với giá cao hơn nhiều so với giá thị trường hoặc vay lãi cao của nguồn tín dụng đen. Nghị định 41 của Chính phủ đã mở ra nhiều ưu đãi, đặc biệt là mở rộng hạn mức và điều kiện vay vốn nhưng kênh TDNNNT dự báo sẽ vẫn khó chảy một cách thông suốt, nếu không được tháo gỡ và khơi thông.

- Hai là, hạn mức cho vay chưa phù hợp với qui mô và quy trình tái sản xuất trong nông nghiệp. Các khoản vay của ngân hàng thường ở mức thấp, khó đáp ứng nhu cầu sản xuất hiệu quả. Mặt khác, nguồn vốn cho các đối tượng vay thường phân bổ theo từng đợt mà chưa xuất phát từ nhu cầu sản xuất thực tế. Hạn chế này khiến cho hộ nông dân khó có phương án sử dụng các nguồn lực hiện có một cách có hiệu quả, thậm chí còn có hiện tượng thụ động trước yêu cầu sản xuất kinh doanh của mình.

- Ba là, phát huy tác dụng của nguồn vốn TDNNNT trong phát triển nông nghiệp và nâng cao đời sống nông dân chưa đồng đều. Chỉ có một số ít các chủ thể kinh tế trong nông thôn có năng lực vay vốn với khối lượng lớn để mở rộng đầu tư sản xuất kinh doanh theo hướng sản xuất hàng hóa hướng thị trường. Trong khi ấy, đa số chủ thể vay vốn là hộ nông dân nghèo, năng lực yếu, khả năng lập dự án sản xuất kinh doanh hạn chế, sử dụng vốn kém hiệu quả, còn thụ động trông chờ vào sự nâng đỡ và hỗ trợ của Nhà nước.

- Bốn là, cơ cấu huy động và cho vay vốn tín dụng trên thị trường tín dụng nông thôn chưa hợp lý. Nguồn vốn huy động chủ yếu từ tiết kiệm trong dân cư, huy động vốn ngắn hạn mà chưa đẩy mạnh huy động vốn tín dụng dài hạn, dẫn đến tình trạng cho vay của ngân hàng là vốn ngắn hạn và có hiện tượng khi dùng vốn tín dụng ngắn hạn chuyển sang cho vay dài hạn đã làm gia tăng mức độ rủi ro trong hoạt động tín dụng.

- Năm là, phương thức cho vay vốn tín dụng trong nông thôn chưa đa dạng, chủ yếu là cho vay tín dụng trực tiếp. Các nghiệp vụ tín dụng khác như chiết khấu, cho thuê tài chính chưa thực sự được triển khai. Ở khu vực nông thôn còn thiếu vốn trung

và dài hạn cho đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ mới và xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Sáu là, việc điều hành lãi suất tín dụng còn nhiều bất cập. Đã xuất hiện tình trạng cạnh tranh thiếu lành mạnh trong huy động tiền gửi từ dân cư và các tổ chức kinh tế khác. Tình trạng cạnh tranh đó thường diễn ra giữa các ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) với các tổ chức tín dụng Nhà nước. Thực tế, các NHTMCP thường quy định lãi suất tín dụng cao, thậm chí mức lãi suất vượt quá ngưỡng hiệu quả thị trường cho phép, buộc các tổ chức tín dụng Nhà nước cũng phải nâng lãi suất huy động để thu hút vốn. Điều đó đã tiềm ẩn những rủi ro cho hoạt động của các tổ chức tín dụng.

Về lãi suất cho vay, mức lãi suất cho vay hiện còn cao so với hiệu quả chung của sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Do thu nhập của dân cư thấp, tích lũy hạn hẹp nên khi trả lãi suất cao từ vay vốn tín dụng đã làm giảm năng lực nội sinh của khu vực NNNT đang được Nhà nước chú trọng phát triển. Đồng thời, cùng với những rủi ro trong kinh doanh, có tình trạng nợ quá hạn tồn đọng tại các ngân hàng lớn và chuyển thành nợ xấu ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng nói chung.

1.4. Nguyên nhân

Những hạn chế trong chính sách TDNNNT vừa qua có nhiều nguyên nhân: Tư duy bao cấp trong hoạt động TDNNNT còn tồn tại làm méo mó thị trường tài chính nông thôn dẫn đến tăng chi phí hoạt động đẩy lãi suất cho vay thực của các định chế tài chính; Các tổ chức tín dụng khác ngoài tín dụng chính thức tham gia cho vay ở khu vực này quá ít dẫn đến cơ cấu đầu tư của hệ thống ngân hàng NN&PTNT, ngân hàng chính sách XH và quỹ tín dụng nhân dân chiếm tới 85% dư nợ cho vay của khu vực NNNT. Bên cạnh đó, các kênh tín dụng còn phân tán, việc cho vay ưu đãi được thực hiện qua nhiều đầu mối (quỹ hộ trợ phát triển, NHNN&PTNT, NH chính sách XH) với nhiều mức cho vay khác nhau nên khách hàng thiếu thông tin để tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi. Năng lực thực hiện dự án và tích lũy vốn của người nông dân còn rất hạn chế cũng ảnh hưởng nhiều đến khả năng tiếp cận cũng như sử dụng vốn tín dụng. Đặc biệt từ năm 2007-2010, tỷ lệ lạm phát cao nên mức tích lũy của người dân càng thấp trong khi nhu cầu đầu tư sản xuất rất lớn. Tình trạng sản xuất nông nghiệp trong điều kiện thiên tai bão lụt cũng khiến cho nguồn tín dụng vay tiềm ẩn nhiều rủi ro.

2. Giải pháp tăng cường hiệu quả của TDNNNT

Xuất phát từ mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra trong phát triển NNNT giai đoạn mới, chính sách TDNNNT phải hướng tới nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả của nguồn tín dụng, tạo động lực cho người nông dân vươn lên tăng thu nhập và cải thiện mức sống của mình. TDNNNT phải kết hợp được cả mục tiêu trước mắt và lâu dài với phát triển NNNT, đặc biệt gắn với chương trình xây dựng thôn mới hiện nay. Do vậy, để tiếp tục phát triển và tăng cường hiệu quả của TDNNNT cần:

2.1. Về phía Nhà nước:

Cần ban hành đồng bộ chính sách tín dụng cho nông nghiệp nông thôn: Trước mắt, cần nhanh chóng xây dựng để ban hành quy định tín dụng cho phát triển NNNT nhằm tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho nông dân trong việc tiếp cận các nguồn tín dụng của Nhà nước. Quy định này phải đạt hai mục tiêu là tạo cơ chế phù hợp để chuyển vốn cho NNNT với lãi suất phù hợp, tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận nguồn tín dụng, cũng như hỗ trợ cả các tổ chức tín dụng và người nông dân khi gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan gặp phải trong sản xuất kinh doanh.

Để có nguồn vốn ưu đãi cho NNNT, Nhà nước cần có cơ chế tạo động lực cho các tổ chức tín dụng đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng TDNNNT, đồng thời đảm bảo hệ số nợ an toàn vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Muốn vậy, Nhà nước cần tăng vốn điều lệ và có chính sách giảm thuế thích hợp để các tổ chức tín dụng có điều kiện mở rộng cho vay NNNT với lãi suất hợp lý. Để giảm giá vốn của ngân hàng và các tổ chức tín dụng khi cho vay thì Chính phủ và Ngân hàng nhà nước cần có cơ chế giải pháp cung ứng các nguồn vốn lãi suất thấp cho ngân hàng TM phục vụ cung ứng TDNNNT. Đồng thời, nguồn vốn cho thực hiện chính sách NNNT cũng phải được huy động từ nhiều nguồn như ngân sách Nhà nước, vốn tài trợ,...

Nhà nước cũng cần có chính sách thu hút và khuyến khích hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô trong nước và quốc tế thực hiện cho vay hộ sản xuất, hộ nghèo. Nhà nước cần có biện pháp kêu gọi các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức tài chính quốc tế đầu tư vốn cho lĩnh vực cơ sở hạ tầng giao thông, viễn thông ở các vùng nông thôn. Có như vậy mới tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân tiêu thụ hàng nông sản, thực phẩm, tiếp nhận thông tin về thị

trường, kiến thức KHKT và quản lý sản xuất kinh doanh. Đồng thời, phải có chính sách tạo cơ chế kết nối giữa tín dụng chính thức và tín dụng phi chính thức (vay mượn người thân, phường, hội...) tránh người dân phải vay tín dụng đen. Kinh nghiệm nhiều nước cho thấy, chương trình tín dụng nông thôn thành công nhờ biết phối hợp cả hai khu vực trong việc cung cấp dịch vụ tài chính cho NNNT.

2.2. Đối với các tổ chức tín dụng hoạt động TDNNNT:

Cần tăng cường năng lực tài chính, quản trị rủi ro và đổi mới hoạt động của các tổ chức TDNNNT (Ngân hàng NNPTNT, Ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân).

Trước hết, thực hiện tái cơ cấu để nâng cao hiệu quả hoạt động TDNNNT: Các tổ chức tín dụng thực hiện TDNNNT cần sớm triển khai xây dựng và thực hiện tốt hệ thống kiểm soát tín dụng nội bộ nhằm hỗ trợ cho quản trị rủi ro. Nghiên cứu đưa vào áp dụng mô hình quản trị rủi ro phù hợp với các quy định hiện hành, nâng cao chất lượng thẩm định dự án đầu tư. Đồng thời, quản lý và kiểm tra chặt chẽ quá trình sử dụng vốn tín dụng của các chủ thể vay vốn để hạn chế rủi ro và lành mạnh hóa thị trường tín dụng nông thôn.

Cần phải đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng, linh hoạt các thủ tục cho vay và nguồn vốn cho vay cùng với việc phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nông thôn để hỗ trợ nông dân vay vốn, sử dụng và hoàn trả vốn. Do vậy, cần chú ý lựa chọn mục tiêu cho vay căn cứ trên hình thức tín dụng. Cụ thể, tiếp tục cho vay ngắn hạn nhưng có chọn lọc đối tượng, chỉ nên ưu tiên cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, những doanh nghiệp có nhiều lao động. Tiếp tục hỗ trợ vốn vay trung và dài hạn để giúp các doanh nghiệp mở rộng sản xuất và tái cấu trúc doanh nghiệp. Cần tiếp tục hỗ trợ vốn vay cho nông dân với mức cho vay lớn hơn, thời hạn dài hơn, điều kiện cho vay thuận lợi hơn.

Tính toán qui mô tín dụng cần thiết cho khu vực nông nghiệp cho phù hợp với thực tế: Các chi nhánh ngân hàng cơ sở, quỹ tín dụng nhân dân cần dựa vào qui hoạch phát triển nông, lâm nghiệp trên địa bàn để xây dựng qui mô vốn cho các đối tượng vay phù hợp qui hoạch của địa bàn; bằng nguồn vốn đầu tư khác nhau của Nhà nước và vốn tự có của nông dân và doanh nghiệp, các ngân hàng cần mở rộng vốn trung và dài hạn đến các thành phần kinh tế để sử dụng kết cấu hạ tầng và chuyển đổi cơ cấu sản xuất

NNNT. Trong đầu tư cho vay cần chú ý ưu tiên mục tiêu nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, chế biến và bảo quản sản phẩm và đa dạng hóa sản phẩm. Tiếp tục cải tiến phương thức cho vay vốn của ngân hàng để giảm bớt thủ tục phiền hà và giúp cho người dân không phải vay nguồn vốn lãi suất cao qua tín dụng đen hoặc qua con đường gập ghềnh để đến với nguồn tín dụng chính thức.

Ngoài ra, các tổ chức tín dụng chính thức ngoài việc cho vay nên có biện pháp hướng dẫn người nông dân cách thức xây dựng dự án khả thi và hiệu quả, cách sử dụng đồng vốn vay hợp lý và hiệu quả, giúp người dân quản lý nợ và rủi ro. Cần định hướng nguồn vốn cho vay gắn kết với các chương trình phát triển kinh tế của địa phương. Đối với các vùng nghèo, vốn cho vay cần được lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, có sự kết hợp công tác khuyến nông, khuyến

lâm, khuyến ngư với chuyển giao công nghệ mới...

Nói chung, hoạt động tín dụng tuy có những hạn chế nhất định, nhưng nguồn vốn TDNNNT đã đáp ứng được một phần quan trọng nhu cầu vốn phát triển của khu vực kinh tế nông thôn thời gian qua. Vốn cho vay từ TDNNNT đã góp phần rất quan trọng trong việc khôi phục các làng nghề truyền thống, tạo thêm nhiều nghề mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng phát triển sản xuất hàng hoá và hội nhập. Trong thời gian tới, chúng ta cần coi trọng đúng mức ảnh hưởng của TDNNNT và thực sự đổi mới hoạt động của các định chế tài chính phục vụ nông nghiệp, nông thôn... nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp hàng hóa, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống mọi mặt của nông dân. □

Tài liệu tham khảo:

1. Chính Phủ: *Nghị định 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển NNNT*. Hà Nội 2010.
2. Thủ tướng CP : *Quyết định 497/2009/QĐ-TTg về hỗ trợ tín dụng cho Nông nghiệp nông thôn*. Hà Nội 2009.
3. Nguyễn Văn Bích – Chu Tiến Quang : *Chính sách kinh tế và vai trò của nó đối với phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*. Nhà xuất bản CTQG, Hà Nội 2003
4. Trần Ngọc Bút: *Chính sách nông nghiệp nông thôn Việt Nam nửa cuối thế kỷ XX và một số định hướng...* . Nhà xuất bản CTQG, Hà Nội 2002.
5. TS Phạm Thị Khanh: *Phát triển triển tín dụng nông thôn góp phần đẩy nhanh CNH, HĐH nông thôn*, Nhà xuất bản CTQG, Hà Nội 2007.
6. PGS.TS Phan Thanh Khôi – PGS.TS Lương Xuân Hiến: *Một số vấn đề kinh tế - xã trong tiến trình CNH, HĐH vùng đồng bằng sông Hồng*. Nhà xuất bản LLCT, Hà Nội 2006.
7. Bùi Xuân Lưu: *Bảo hộ hợp lý nông nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế*. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội 2004.
8. Nguyễn Minh Phong: *Thực tiễn phát triển tín dụng nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam*. Viện NC kinh tế - XH Hà Nội, 2010.
8. E. Wayne Nafziger: *The Economics of Developing countries (sách dịch)*. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội 1998.